

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/DSST

Ngày: 19/02/2025

V/v: “Tranh chấp hui, họ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng
2. Ông Nguyễn Ngọc Tuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND TP. Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2024/TLST- DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hui, họ” theo “Quyết định đưa vụ án ra xét xử” số 17/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST - DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị L – sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Lê Thị D – sinh năm 1977

Địa chỉ: Phố Q, phường L, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn (bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với cô Lê Thị D và chị được biết chị D là chủ họ, nên chị có tham gia góp họ cùng với chị D. Cách thức góp họ mà chị D làm chủ như sau: Mỗi một dây họ có 22 người tham gia, mỗi tháng mỗi người phải đóng 2.000.000 đồng tiền gốc cho cô D. Người nào lĩnh họ sẽ được lĩnh 44.000.000 đồng tiền gốc. Người nào lĩnh trước thì mỗi tháng tiếp theo sẽ phải

đóng thêm 400.000đồng/tháng, còn người nào lĩnh sau thì sẽ được hưởng tiền lãi là 400.000 đồng đối với số tháng trước đó đã đóng. Riêng chị D là người lĩnh tiền họ đầu tiên và không phải đóng lãi đối với các tháng tiếp theo.

Chị tham gia góp 02 chân họ từ tháng 7/2023 đến tháng 6/2024, chị đã góp được 11 tháng/01 chân họ, bằng số tiền 22.000.000 đồng/chân họ; 02 chân họ bằng số tiền 44.000.000 đồng. Ngày 25/6/2024 chị D tuyên bố vỡ họ, ngày 30/6/2024 chị D có viết giấy xác nhận nợ với chị và hứa với chị đến tháng 8/2024 sẽ trả. Nhưng đến nay chị D vẫn chưa thanh toán cho chị đồng nào.

Nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị D phải trả cho chị số tiền gốc chị đã góp họ tổng cộng là 44.000.000 đồng (bốn mươi tư triệu đồng), chị không yêu cầu phải trả lãi.

Về phía bị đơn chị Lê Thị D trình bày:

Chị thống nhất với ý kiến của chị Trương Thị L về việc chị L có góp 02 chân họ cho chị. Cách thức tham gia và thời gian tham gia chị L trình bày đều đúng. Từ tháng 7/2023 đến tháng 6/2024 chị đã nhận được 22 tháng/02 chân họ bằng số tiền 44.000.000đồng mà chị L đã góp. Đến tháng 6/2024 chị bị vỡ họ, nên ngày 30/6/2024 chị có viết giấy xác nhận nợ với chị L với số tiền là 44.000.000đồng.

Nay chị L yêu cầu Tòa án buộc chị phải trả lại số tiền 44.000.000đồng, chị đồng ý trả, nhưng hiện tại chị chưa đủ khả năng trả nợ nên chị xin được trả dần cho đến khi hết khoản nợ.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn (có đơn xin xét xử vắng mặt), nguyên đơn chị Trương Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện VKS: Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS để xét xử. Về nội D: Đại diện VKS đề nghị Tòa án căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019 của chính phủ về họ, họ, biểu phượng, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Trương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp họ, họ; bị đơn chị Lê Thị D cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của bị đơn chị Lê Thị D (có đơn xin xét xử vắng mặt), nguyên đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội D tranh chấp: Chị Trương Thị L khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị D phải trả số tiền góp 02 phần hộ từ tháng 7/2023 đến tháng 6/2024, được 11 tháng/01 chân hộ, bằng số tiền 22.000.000 đồng/chân hộ; 02 chân hộ bằng số tiền 44.000.000đồng. Sau khi chị D tuyên bố vỡ hộ thì ngày 30/6/2024 chị D có viết giấy nhận nợ tiền hộ với nội D có nợ với chị Trương Thị L số tiền chơi hộ là 44.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị D cũng thừa nhận còn nợ chị Trương Thị L số tiền 44.000.000 đồng.

Xét thấy việc chị Lê Thị D có nợ tiền hộ chị Trương Thị L số tiền 44.000.000 đồng là có thật. Vì vậy, việc chị L yêu cầu chị D phải trả số tiền đã đóng hộ là 44.000.000đ, không yêu cầu phải trả lãi là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 280; 471 Bộ luật dân sự, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn chị Lê Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị L không phải chịu án phí nên trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm b, tiểu mục 1.3 khoản 1 phần I, mục A Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của BLTTDS; Điều 280; Điều 471; Điều 357 BLDS; Khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phùng; khoản 2 Điều 26; điểm b, tiểu mục 1.3 khoản 1 phần I, mục A Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L. Buộc chị Lê Thị D phải trả cho chị L số tiền đã đóng hộ là 44.000.000đ (Bốn mươi tư triệu đồng), không yêu cầu phải trả lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị D không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí DSST là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị Trương Thị L không phải chịu án phí và được nhận lại 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001906 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Dũng

Nguyễn Hồng Vân

Trương Thị Quỳnh